



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự
(Kèm theo Tờ trình số 4612/TTTr-BQP ngày 26/10/2024 của Bộ Quốc phòng)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 10/8/2014, Bộ Quốc phòng có Công văn số 3221/BQP-BCY gửi các bộ, ngành có liên quan về việc tham gia ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự; đồng thời đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng lấy ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ về việc giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành, tổ chức, cá nhân như sau:

I. CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẤY Ý KIẾN

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi lấy ý kiến

- *Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan ở Trung ương (11):* Bộ Nội Vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Chính phủ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam, Doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

- Lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân qua Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

2. Tổng số ý kiến nhận được

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan ở Trung ương: Đến nay, đã có 11/11 cơ quan gửi ý kiến về Bộ Quốc phòng. Trong đó 04/11 cơ quan nhất trí hoàn toàn với hồ sơ dự thảo Nghị định (*Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*); 07/11 cơ quan cơ bản nhất trí và bổ sung ý một số ý kiến cụ thể vào Hồ sơ dự thảo Nghị định.

3. Ý kiến nhận được của tổ chức, cá nhân qua Cổng Thông tin điện tử: Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASIAN.

4. Ý kiến chưa nhận được: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam.

II. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Quốc phòng đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I. Tờ trình Chính phủ			
Về sự cần thiết ban hành	Bộ Nội vụ	Đề nghị Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ) bảo đảm sử dụng nguồn lực hiện có để thực hiện nhiệm vụ được phân công, không làm phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế theo đúng tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017).	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau: Tại Mục VI dự thảo Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động chính sách xác định dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung theo nguyên tắc kế thừa các quy định còn phù hợp được áp dụng ổn định, hiệu quả trong 8 năm qua tại Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, Nghị định số 53/2018/NĐ-CP, Nghị định số 32/2023/NĐ-CP và bổ sung những quy định nảy sinh trong thực tiễn; đồng thời bảo đảm sử dụng nguồn lực hiện có, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, ngân sách nhà nước.
Về cơ sở thực tiễn	Bộ Thông tin và Truyền	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá kết quả triển khai Nghị định 53/2018/NĐ-CP, Nghị định 58/2016/NĐ-CP	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và bổ sung điểm 2 Mục I Dự thảo Tờ trình như sau: “ <i>Danh mục sản phẩm mật mã dân sự quy định tại</i>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thông	vào dự thảo Tờ trình. Qua đó thống kê, đánh giá được các loại hình sản phẩm mật mã dân sự phổ biến, sự trùng lặp (nếu có) với các sản phẩm khác và các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi để làm cơ sở đề xuất, hoàn thiện, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định.	<i>Nghị định số 58/2016/NĐ-CP gồm 08 nhóm sản phẩm, sau khi rà soát triển khai trong thực tiễn thì có thể gộp thành 07 nhóm sản phẩm (gộp nhóm “Sản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã” và nhóm “Thành phần mật mã trong hệ thống PKI” thành nhóm “Sản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã”) và thay thế nhóm “Sản phẩm bảo mật luồng IP và bảo mật kênh” bằng nhóm “Sản phẩm bảo mật luồng IP”. Bên cạnh đó, Danh mục sản phẩm mật mã dân sự loại trừ cũng cần bổ sung từ 09 nhóm tăng lên 12 nhóm sản phẩm nhằm giảm bớt các sản phẩm không cần thiết phải quản lý.</i> <i>Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép đã được cập nhật tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 32/2023/NĐ-CP cũng cần được thay đổi cấu trúc và nội dung, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự cũng như cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát, thông quan hàng hoá.”</i>
Mục IV	Bộ Tư pháp	Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý việc xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong dự thảo Tờ trình; bảo đảm đúng trình tự, thủ tục cũng như đúng thẩm quyền của Chính phủ.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và bổ sung tại mục IV dự thảo Tờ trình như sau: <i>“Từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023, Bộ Quốc phòng đã tiến hành tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, đồng thời dự thảo</i>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ hoạch Đầu tư	Đề nghị rà soát quy trình xây dựng dự thảo Nghị định để bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục theo khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	<i>Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan (Công văn số 2160/BQP-BCY ngày 24/6/2023). Hồ sơ đã nhận được 09 ý kiến tham gia của các bộ (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ) và 22 ý kiến tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp.</i> <i>Sau khi nghiên cứu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức nêu trên, ngày 21/11/2023, Bộ Quốc phòng có Văn bản số 4540/BC-BQP về việc Tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</i> <i>Ngày 18/01/2024, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 394/VPCP-NC thông báo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang về việc tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, trong đó giao Bộ Quốc phòng chủ trì nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ)."</i>
	Bộ Công an	Đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến bước lập hồ sơ, lấy ý kiến và thẩm định đề nghị xây dựng Nghị định. ✓	
	Bộ Khoa	Đề nghị phân tích việc điều chỉnh tên gọi từ "Nghị	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và bổ sung

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	học và Công nghệ	định quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ)” thành “Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự” bảo đảm chặt chẽ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	nội dung này trong dự thảo Tờ trình Chính phủ.
2. DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH			
Chương I: Những quy định chung			
Điều 1, Điều 2	Bộ Tư pháp	- Đề nghị cân nhắc bỏ quy định “<i>Xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự</i>” tại Điều 1, khoản 2 Điều 2 và Chương IV dự thảo Nghị định (không đưa nội dung này vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này) để thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới</i>). - Đề nghị Bộ Quốc phòng trao đổi, thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông về vấn đề xử phạt vi phạm hành chính.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên quy định tại Điều 1, khoản 2 Điều 2 và Chương IV dự thảo Nghị định với các lý do như sau: - Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự tại dự thảo Nghị định được kế thừa nội dung Chương III Nghị định số 58/2016/NĐ-CP; đồng thời trong thời gian qua các quy định này thực hiện ổn định, không có vướng mắc. - Tại Chương 3 dự thảo Nghị định về đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự là nội dung mới so với Nghị định số 58/2016/NĐ-CP và có quy định về hành vi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này, vì vậy việc giữ nguyên chương riêng về xử phạt vi phạm hành chính trong dự thảo Nghị định là phù hợp với khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			phạm pháp luật. - Ngày 10/8/2024, Bộ Quốc phòng có Công văn số 3221/BQP-BCY gửi lấy ý kiến vào Hồ sơ dự thảo và Bộ Thông tin và Truyền thông cơ bản nhất trí với việc quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự; đồng thời có một số ý kiến sửa đổi, bổ sung cụ thể đối với các hành vi xử phạt, thẩm quyền xử phạt. Bộ Quốc phòng đã tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị định.
Khoản 2 Điều 1	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa, đảm bảo phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định thống nhất với phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị định. Mặt khác, tạm đình chỉ không thi hành Giấy phép là một hình thức xử lý vi phạm hành chính, đề nghị cân nhắc không quy định trong dự thảo Nghị định.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, bỏ quy định về “ <i>tạm đình chỉ và thu hồi</i> ” đối với Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và bổ sung cụm từ “ <i>quản lý hoạt động</i> ” trước cụm từ “ <i>đánh giá sự phù hợp</i> ” tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:
	Bộ Công an	Đề nghị làm rõ nội dung liên quan giữa “quy định về đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã” tại khoản 2 Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, với “quy định về quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự” tại khoản 7 Điều 38 và “quy định về quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã” tại khoản 4 Điều 52 của Luật.	“2. <i>Biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự, bao gồm: trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự và xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự.</i> ”
Giải thích	Bộ Thông	- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thuật ngữ	tin và Truyền thông, Bộ Công an	sung khái niệm sản phẩm mật mã dân sự và khái niệm dịch vụ mật mã dân sự theo hướng quy định về tính năng kỹ thuật chính và loại trừ các sản phẩm an toàn thông tin mạng đã được quy định tại Nghị định 108/2016/NĐ-CP. - Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo đưa nội dung giải thích về sản phẩm mật mã dân sự tại Phụ lục I của dự thảo Nghị định vào quy định một Điều về giải thích từ ngữ tại Chương I của dự thảo; Bổ sung giải thích về dịch vụ mật mã dân sự theo hướng quy định về hoạt động cung cấp dịch vụ chính liên quan đến mật mã dân sự.	nghư dự thảo Nghị định với lý do sau: - Khái niệm “<i>sản phẩm mật mã dân sự</i>” và “<i>dịch vụ mật mã dân sự</i>” đã được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật An toàn thông tin mạng, vì vậy dự thảo Nghị định không quy định lại nội dung của Luật An toàn thông tin mạng. - Danh mục sản phẩm mật mã xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Phụ lục I dự thảo Nghị định bổ sung nội dung mô tả tính năng kỹ thuật mật mã để phân biệt sản phẩm công nghệ thông tin tích hợp tính năng an toàn thông tin và mã hóa để bảo mật thông tin với các sản phẩm an toàn thông tin để bảo đảm không chồng chéo việc quản lý sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin (Nghị định số 108/2016/NĐ-CP) với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (Nghị định số 58/2016/NĐ-CP).
	Bộ Công an	Đề nghị cân nhắc giải thích từ ngữ “ <i>chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</i> ” để bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng, thi hành văn bản.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý cụm từ “ <i>tổ chức chứng nhận sự phù hợp</i> ” thành “ <i>tổ chức đánh giá sự phù hợp</i> ” tại Điều 10 dự thảo Nghị định.
2. Về Chương II: Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự			
Vấn đề chung	Bộ Tư pháp	Đề nghị rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Chương II (từ Điều 3 đến Điều 7) dự thảo Nghị định đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư; phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Chương II (từ Điều 3 đến Điều 7) dự thảo Nghị định tuân thủ quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian,

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tuân thủ của nhà đầu tư.	chi phí tuân thủ của nhà đầu tư.
	Bộ Tư pháp	Đề nghị rà soát các thủ tục hành chính theo hướng đẩy mạnh tăng cường phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp; đồng thời rà soát các nội dung quy định liên quan đến thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định để quy định cho phù hợp đơn giản hóa thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, rà soát các thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 về phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025 và Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết Thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.
	Bộ Công thương	Đề nghị rà soát Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định trên của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về trình tự, thủ tục cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và trình tự, thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.	
Điều 4	Bộ Thông tin và Truyền thông	- Đề nghị bổ sung nội dung “ <i>Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép không bao gồm các sản phẩm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và Danh mục chi tiết các sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i> ” tại Điều 4 dự thảo	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và Phụ lục I với lý do sau: Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo dự thảo Nghị định, trong đó đã bổ sung các nội dung mô tả hàng hóa với đặc tính kỹ thuật mật mã để phân biệt các sản phẩm công nghệ thông tin tích hợp tính năng an toàn thông tin và mã hóa để bảo mật thông tin với các sản phẩm an toàn thông tin.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nghị định. - Đề nghị bổ sung nội dung “<i>Các sản phẩm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và Danh mục chi tiết các sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định</i>” tại mục 2 Phụ lục I dự thảo Nghị định.	
	Bộ hoạch Đầu tư	Đề nghị bổ sung đánh giá để phân biệt giữa sản phẩm mật mã dân sự và sản phẩm an toàn thông tin mạng bảo đảm thuận lợi trong quá trình triển khai, áp dụng vì khoản 2 Điều 41 Luật An toàn thông tin mạng quy định Sản phẩm an toàn thông tin mạng gồm: “a) sản phẩm mật mã dân sự” và “đ) sản phẩm an toàn thông tin mạng khác”; Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (không điều chỉnh hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự...).	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và bổ sung các nội dung mô tả hàng hóa với đặc tính kỹ thuật mật mã để phân biệt các sản phẩm công nghệ thông tin tích hợp tính năng an toàn thông tin và mã hóa để bảo mật thông tin với các sản phẩm an toàn thông tin tại Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Phụ lục II ban hành kèm theo dự thảo Nghị định.
	Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, chuẩn hóa, đảm bảo phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau: Trong quá trình soạn thảo Bộ Quốc phòng đã giao Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp với Cục Giám sát và Quản lý về hải quan/Tổng cục Hải quan/Bộ Tài

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.	chính rà soát, chuẩn hóa Danh mục sản phẩm mật mã dân sự theo giấy phép.
Khoản 2 Điều 4	Bộ Công an	Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ: “mã số hàng hóa tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này” hay là “mã số HS” như tại Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (khoản 2 Điều 4 về áp dụng Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép).	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: <i>“2. Trường hợp có sự khác biệt trong việc xác định mã số HS tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này...”</i>
Điều 5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị biên tập theo hướng “điểm a, đ khoản 2 Điều 31 Luật An toàn thông tin mạng được quy định chi tiết như sau.....” để tránh hiểu rằng Điều 5 bổ sung thêm các điều kiện so với Luật An toàn thông tin mạng.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý Điều 5 dự thảo Nghị định như sau: <i>“Điều 5. Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</i> <i>Điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 31 Luật An toàn thông tin mạng được quy định chi tiết như sau:”</i>
Khoản 2 Điều 5	Bộ Nội vụ	Để tránh có nhiều cách hiểu khác nhau và thuận lợi, thống nhất trong tổ chức thực hiện, đề nghị chỉnh sửa lại khoản 2 Điều 5: <i>“Doanh nghiệp phải có ít nhất hai (02) cán bộ kỹ thuật có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin; cán bộ quản lý, điều hành có bằng tốt nghiệp đại học một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán</i>	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>học, an toàn thông tin hoặc có bằng tốt nghiệp đại học một ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin”.</i>	
Khoản 3 Điều 5	Bộ Tư pháp	Đề nghị làm rõ quy định “có hệ thống khách hàng” tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định được thực hiện trên cơ sở nào.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, bổ sung mẫu số 03 (<i>Phương án kỹ thuật</i>), mẫu số 04 (<i>Phương án kinh doanh</i>), mẫu số 05 (<i>Phương án bảo mật và an toàn thông tin mạng</i>) kèm theo Nghị định, trong đó làm rõ quy định “có hệ thống phục vụ khách hàng” tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định.
	Bộ Nội vụ	Khoản 3 Điều 5 quy định “có hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật phù hợp”, quy định này khó xác định bao nhiêu là có hệ thống phục vụ khách hàng, bảo đảm kỹ thuật phù hợp với quy định nào	
	Bộ Công thương	Về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự: Đề nghị rà soát lại khoản 3 Điều 5 để phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 31 Luật An toàn thông tin mạng.	
Điều 6, Điều 7	Bộ Tư pháp	Đề nghị bỏ quy định tại khoản 8 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định và thể hiện lại theo hướng dựa vào các quy định về trình tự, thủ tục có gắn với các mẫu ban hành kèm theo để đảm bảo rõ ràng, minh bạch.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, bỏ quy định tại khoản 8 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 và bổ sung các mẫu biểu ban hành kèm theo gắn với các quy định về trình tự, thủ tục tương ứng tại Điều 6, 7 dự thảo Nghị định.
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Về phương án kinh doanh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Dự thảo, tham khảo xây dựng mẫu tương tự như mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.	

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Đề nghị rà soát Điều 6, 7 dự thảo Nghị định để bảo đảm không quy định lại nội dung đã quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, rà soát hiệu chỉnh Điều 6, 7 dự thảo Nghị định để bảo đảm không quy định lại nội dung đã quy định tại Luật, bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Đề nghị không quy định địa chỉ cổng dịch vụ công (https://dichvucong.nacis.gov.vn) tại khoản 5 Điều 6.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, thay địa chỉ https://dichvucong.nacis.gov.vn thành địa chỉ https://dichvucong.gov.vn do Cổng dịch vụ công về mật mã dân sự đã tích hợp vào Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
3. Về Chương III: Đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự			
	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo sự phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; cắt giảm thủ tục hành chính.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, tiến hành rà soát các quy định về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự bảo đảm phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; cắt giảm thủ tục hành chính.
Khoản 1 Điều 9	Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát quy định rõ hoặc dẫn chiếu cụ thể điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính công khai, minh bạch và thuận lợi trong tổ chức thực hiện	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định với lý do sau: - Điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự thực hiện theo quy định tại các nghị định của Chính phủ, như: Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP, Nghị định số 132/2008/NĐ-C, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.
	Bộ Công an	Đề nghị quy định chi tiết hơn hoặc dẫn chiếu cụ thể đến các quy định của pháp luật hiện hành không quy	

NHÓM VĂN ĐỀ HOẠC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định chung chung như tại dự thảo văn bản.	- Hiện nay, các văn bản trên cũng đang được tiếp tục nghiên cứu, đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Do vậy, cơ quan soạn thảo không dẫn chiếu cụ thể tên các văn bản trên trong dự thảo Nghị định.
Khoản 2 Điều 9	Bộ Nội vụ	Đề nghị quy định cụ thể về thành phần “Hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, đề nghị chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự” để bảo đảm tính công khai, minh bạch và thống nhất trong tổ chức thực hiện.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định với lý do sau: Hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, đề nghị chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.
	Bộ Công an	Đề nghị bổ sung một số các quy định để tương đồng, thống nhất với khoản 5, khoản 6 Điều 6 như: số lượng bộ hồ sơ cần nộp; hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số; thời hạn trả lời kết quả của hồ sơ;...	
Điều 9 và Điều 10	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý của nội dung quy định tại Điều 9 và Điều 10 về “điều kiện, trình tự, thủ tục hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và thừa nhận kết quả đánh giá....”, mà Luật An toàn thông tin mạng không giao hướng dẫn.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau: - Luật An toàn thông tin mạng quy định kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự là loại hình kinh doanh có điều kiện (khoản 1 Điều 40); danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (khoản 1 Điều 34); trước khi tổ chức, cá nhân đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường phải thực hiện chứng nhận hợp quy hoặc công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy (khoản 1 Điều 39). - Đồng thời, khoản 7 Điều 38 Luật An toàn thông tin

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			mạng quy định: “Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ... chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự”. - Về trách nhiệm quản lý nhà nước, tại khoản 4 Điều 52 Luật An toàn thông tin mạng quy định Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng “quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự”. Do tính chất đặc thù của sản phẩm mật mã dân sự có ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động bảo mật, an toàn thông tin trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội, cần có sự quản lý chặt chẽ và thống nhất về chất lượng sản phẩm mật mã dân sự đang được kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam. Vì vậy, cần có các quy định chi tiết nhằm tổ chức triển khai các hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự tại dự thảo Nghị định.
4. Về Chương IV: Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự			
	Bộ Nội vụ	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung, mức xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, chỉnh lý, bảo đảm thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung, mức xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		mã dân sự theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).	theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
Khoản 6 Điều 12	Bộ Công Thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định “thu hồi Giấy phép” là hình thức xử phạt bổ sung mà đưa nội dung quy định về các trường hợp xem xét thu hồi giấy phép thành Điều riêng tại Chương II dự thảo Nghị định.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và bỏ quy định “ <i>thu hồi Giấy phép</i> ” là hình thức xử phạt bổ sung tại khoản 6 Điều 12.
	Bộ Công Thương	Đề nghị quy định rõ khung thời gian tước/đình chỉ hoạt động (từ ... tháng đến tháng) thay vì quy định “không quá 06 tháng” nhằm tránh tùy tiện trong quyết định thời hạn tước/đình chỉ cụ thể đối với hành vi vi phạm hành chính và đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý điểm a, b, c khoản 6 Điều 12 dự thảo Nghị định.
Điều 12	Bộ Công Thương	- Đề nghị quy định cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính tại điểm, khoản nào (Khoản 7 Điều 12). - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về khung tiền phạt đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính “Quy định khung tiền phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính phải cụ thể, khoảng cách giữa mức phạt tối thiểu	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu, bổ sung, chỉnh lý khoản 7 Điều 12 dự thảo Nghị định.

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CƠ QUAN GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		và tối đa của khung tiền phạt không quá lớn”. - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các hành vi vi phạm để đảm bảo quy định hình thức, mức xử phạt phù hợp với tính chất, mức độ xâm hại trật tự quản lý hành chính nhà nước của hành vi vi phạm.	
Điều 12	Bộ Công Thương	Đề nghị rà soát các hành vi vi phạm để tránh trùng lặp như: <i>Không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</i> khi thay đổi tên, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc <i>thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</i> (điểm a khoản 3 Điều 12) và <i>Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự không đúng với nội dung ghi trên Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự</i> (điểm đ khoản 3 Điều 12).	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý điểm b, đ khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định.
		Đề nghị cân nhắc quy định về khung phạt tiền khác nhau đối với 02 hành vi có cùng tính chất mức độ: <i>báo cáo không đúng thời hạn về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự và tổng hợp thông tin khách hàng</i> (khoản 1 hình thức xử phạt: cảnh cáo) và <i>hành vi không báo cáo về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự</i> (điểm c khoản 2 phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng).	Về vấn đề này, Bộ Quốc phòng tiếp thu và chỉnh lý bỏ khoản 1 Điều 12 (hình thức xử phạt: cảnh cáo); bổ sung hành vi “<i>báo cáo không đúng thời hạn</i>” và chỉnh lý điểm c khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3152/BKHCN-CNC

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo
Nghị định quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật An toàn
thông tin mạng về mật mã dân sự

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Phúc đáp Công văn số 3221/BQP-BCY ngày 10/8/2024 của Bộ Quốc phòng về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (Dự thảo), Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) có ý kiến như sau:

- Dự thảo đã phân tích về sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm khi xây dựng Nghị định và cơ sở để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định so với Nghị định 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Theo đó, Bộ KH&CN cơ bản nhất trí với các nội dung được đề cập tại Hồ sơ Dự thảo;

- Tại Điều 1 Dự thảo Nghị định quy định các nội dung liên quan đến Khoản 5 Điều 31 về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và Khoản 5 Điều 34 về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, theo đó, đề Hồ sơ Dự thảo được chặt chẽ hơn, Dự thảo cần phân tích việc điều chỉnh tên gọi từ “Nghị định quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ)” thành “Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự”.

Trên đây là ý kiến của Bộ KH&CN gửi Bộ Quốc phòng để nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, CNC.

KT. BỘ TRƯỞNG
VĂN THỦ TRƯỞNG

Bùi Thế Duy

Số: 5030 /BNV-PC

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định
quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật An toàn thông tin
mạng về mật mã dân sự

Kính gửi: Bộ Quốc phòng
(Ban Cơ yếu Chính phủ)

Trả lời công văn số 3221/BQP-BCY ngày 10/8/2024 của Bộ Quốc phòng về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định

Việc xây dựng, ban hành Nghị định nêu trên là cần thiết nhằm quy định chi tiết một số nội dung được giao tại Luật An toàn thông tin mạng. Kịp thời khắc phục những vướng mắc, bất cập qua thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự; đồng thời, thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính về điều kiện kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự.

Đề nghị Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ) bảo đảm sử dụng nguồn lực hiện có để thực hiện nhiệm vụ được phân công, không làm phát sinh tổ chức bộ máy và biên chế theo đúng tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017).

2. Về nội dung dự thảo Nghị định

a) Khoản 2 Điều 5 quy định “cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học”, “cán bộ quản lý điều hành tốt nghiệp một trong các ngành...” là chưa rõ, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Vì vậy, để thuận lợi và thống nhất trong tổ chức thực hiện, đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Doanh nghiệp phải có ít nhất hai (02) cán bộ kỹ thuật có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin;

cán bộ quản lý, điều hành có bằng tốt nghiệp đại học một trong các ngành điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, toán học, an toàn thông tin hoặc có bằng tốt nghiệp đại học một ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin”.

b) Một số điều, khoản dự thảo Nghị định quy định mang tính định tính, hoặc quy định chưa rõ, còn chung chung, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, ví dụ: Khoản 3 Điều 5 quy định “có hệ thống phục vụ khách hàng và bảo đảm kỹ thuật phù hợp”, quy định này khó xác định bao nhiêu là có hệ thống phục vụ khách hàng, bảo đảm kỹ thuật phù hợp với quy định nào; khoản 1 Điều 9 quy định “theo quy định của pháp luật hiện hành” không xác định được pháp luật hiện hành là pháp luật nào. Vì vậy, đề nghị rà soát quy định rõ hoặc dẫn chiếu cụ thể điều, khoản, điểm của văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính công khai, minh bạch và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

c) Khoản 2 Điều 9 đề nghị quy định cụ thể thành phần “Hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, đề nghị chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự” để bảo đảm tính công khai, minh bạch và thống nhất trong tổ chức thực hiện.

d) Điều 14 về thẩm quyền lập biên bản đề nghị làm rõ “cán bộ đang thi hành công vụ trong lĩnh vực mật mã dân sự có quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định” để bảo đảm thống nhất theo quy định của Luật Cơ yếu và Nghị định của Chính phủ quy định về ngạch, chức danh người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

e) Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định để bảo đảm thống nhất về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung, mức xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Quốc phòng nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ, trình Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Triệu Văn Cường

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 4870/BTP-PLDSKT**

V/v góp ý hồ sơ dự thảo
Nghị định quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành
Luật An toàn thông tin mạng
về mật mã dân sự

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Trả lời Công văn số 3221/BQP-BCY ngày 11/08/2024 của Bộ Quốc phòng về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (gọi tắt là dự thảo Nghị định), theo chức năng, nhiệm vụ và trên cơ sở thông tin được cung cấp, Bộ Tư pháp có ý kiến sơ bộ như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định

Ngày 01/7/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2018/NĐ-CP và Nghị định số 32/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 của Chính phủ. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Quốc phòng, qua tổng kết cho thấy việc thi hành các Nghị định nêu trên còn vướng mắc, bất cập một số quy định cần sửa đổi, bổ sung bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật (mục I dự thảo Tờ trình từ trang 2-5). Tại Văn bản số 394/VPCP-NC ngày 18/01/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang đã giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP) theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Vì vậy, việc Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự trình Chính phủ ban hành là cần thiết, đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.

2. Về nội dung của dự thảo Nghị định

Để đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất, tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định với Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Đầu tư,

Luật Doanh nghiệp, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức Chính phủ...; các văn bản quy định chi tiết các luật này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; trong đó, đề nghị nghiên cứu thêm một số nội dung sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Đề nghị cân nhắc bỏ quy định “*xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự*” tại Điều 1, khoản 2 Điều 2 và Chương IV dự thảo Nghị định (không đưa nội dung này vào phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này). Khoản 3 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Không quy định chương riêng về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm trong văn bản quy phạm pháp luật nếu không có nội dung mới*”. Mặt khác, xử lý vi phạm hành chính về an toàn thông tin mạng đã được quy định tại Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022) (cụ thể tại mục 2 Chương V “hành vi vi phạm về an toàn thông tin mạng”). Do đó, việc quy định về xử lý vi phạm hành chính tại dự thảo Nghị định này có thể dẫn đến chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống pháp luật, cùng một vấn đề đang quy định tại các văn bản khác nhau. Vì vậy, đề nghị Bộ Quốc phòng trao đổi, thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông về vấn đề này để đề xuất phương án xử lý cho phù hợp.

b) Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 1) quy định về trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, tạm đình chỉ và thu hồi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Tuy nhiên, qua rà soát nội dung dự thảo Nghị định không quy định về tạm đình chỉ và thu hồi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa, đảm bảo phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định thống nhất với phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 dự thảo Nghị định. Mặt khác, tạm đình chỉ không thi hành Giấy phép là một hình thức xử lý vi phạm hành chính. Như đã nêu ở trên, cân nhắc không quy định trong dự thảo Nghị định.

2.2. Đề nghị rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Chương II (từ Điều 3 đến Điều 7) dự thảo Nghị định đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư; phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ của nhà đầu tư; trong đó, đề nghị làm rõ quy định “*có hệ thống khách hàng*” tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định được thực hiện trên cơ sở nào? Ngoài ra, đề nghị rà soát các thủ tục hành chính theo hướng đẩy mạnh tăng cường phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

2.3. Về đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự (Chương III dự thảo Nghị định), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát đảm bảo sự phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; cắt giảm thủ tục hành chính.

2.4. Về Điều chuyển tiếp

Tại Điều 16 dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát bổ sung các trường hợp chuyển tiếp (nếu có) để đảm bảo tính khả thi; không phát sinh vướng mắc, bất cập; không tạo khoảng trống pháp lý trong quá trình thực hiện. Đồng thời, đề nghị bỏ khoản 3 Điều 16 dự thảo Nghị định vì không cần thiết.

2.5. Về một số vấn đề khác

Nội dung dự thảo Nghị định phức tạp, có nhiều vấn đề kinh tế - kỹ thuật chuyên môn sâu. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ, ngành có liên quan và địa phương, chuyên gia, người làm thực tiễn rà soát, đánh giá, đảm bảo quy định hợp lý, khả thi (và chịu trách nhiệm về vấn đề này).

Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát tổng thể dự thảo Nghị định, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*” - Mục 3); (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

3.1. Đề nghị rà soát ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), như: đề nghị bỏ quy định tại khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định, vì quy định này nhắc lại quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật An toàn thông tin mạng (là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”).

3.2. Đề nghị rà soát các nội dung quy định liên quan đến thủ tục, hành chính tại dự thảo Nghị định để quy định cho phù hợp; đơn giản hóa thủ tục hành chính; tạo

điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân; trong đó, đề nghị bỏ quy định tại khoản 8 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị định và thể hiện lại theo hướng đưa vào các quy định về trình tự, thủ tục có gắn với các mẫu ban hành kèm theo dự thảo Nghị định này để đảm bảo rõ ràng, minh bạch.

3.3. Đề nghị lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, chuyên gia, người làm thực tiễn và các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tiếp thu, giải trình đầy đủ, hợp lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định đúng và đầy đủ cả về thành phần, hình thức, nội dung quy định tại Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.4. Dự thảo Nghị định quy định về một số biện pháp thi hành. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì các nội dung quy định về biện pháp thi hành theo khoản 2 Điều 19 của Luật này phải lập đề nghị xây dựng Nghị định và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý theo khoản 2 Điều 84. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình chưa thể làm rõ vấn đề này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ vấn đề này, nêu rõ nội dung biện pháp thi hành đã thực hiện việc lập đề nghị xây dựng Nghị định và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý theo khoản 2 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; làm rõ cơ sở pháp lý đề xuất bổ sung các nội dung mới vào dự thảo Nghị định; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cũng như đúng thẩm quyền của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự, xin gửi Bộ Quốc phòng để tham khảo; thực hiện đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Trần Tiến Dũng (để b/c);
- PVT Cao Đăng Vinh (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTT (Trangnh)).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú

Mc. Dan Co yau...
Hưng → MMDS
MMDS

H. ITmy
28/8
H. Hien
14855 12

h

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2901/BCA-V03

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định
quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Luật An toàn
thông tin mạng về mật mã dân sự

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN	Số: 8046
GIẤY	Ngày: 28/8/2024
ĐẾN	Chuyên:

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

ĐẾN	Số: 2106
	Ngày: 30/8/2024
Chuyên:	

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Ngày 10/8/2024, Bộ Quốc phòng có Công văn số 3221/BQP-BCY về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo. Sau khi nghiên cứu, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình

- Nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định.

- Đề nghị Phần III về quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến bước lập hồ sơ, lấy ý kiến và thẩm định đề nghị xây dựng Nghị định.

2. Đối với dự thảo Nghị định

- Tại khoản 2 Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, đề nghị làm rõ nội dung liên quan giữa “quy định về đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã” với “quy định về quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự” tại khoản 7 Điều 38 và “quy định về quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã” tại khoản 4 Điều 52 của Luật.

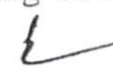
- Để bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng, thi hành văn bản, đề nghị cân nhắc giải thích một số từ ngữ, như: “dịch vụ mật mã dân sự”, “chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự”.

- Tại khoản 2 Điều 4 về áp dụng Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, đề nghị làm rõ, sử dụng thống nhất cụm từ: “mã số hàng hóa tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này” hay là “mã số HS” như tại Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép.

- Tại khoản 1 Điều 9 về điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự, đề nghị quy định chi tiết hơn hoặc dẫn chiếu cụ thể đến các quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa; không quy định chung chung như tại dự thảo văn bản.

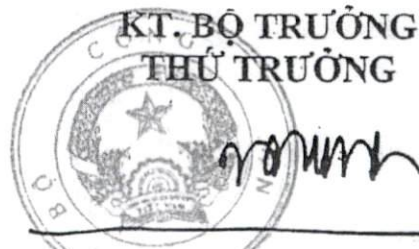
- Tại khoản 2 Điều 9, đề nghị bổ sung một số các quy định để tương đồng, thống nhất với khoản 5, 6 Điều 6 như: số lượng bộ hồ sơ cần nộp; hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số; thời hạn trả lời kết quả của hồ sơ;...

- Đề nghị rà soát, trình bày thống nhất đối với các nội dung có liên quan đến chữ số tại dự thảo văn bản theo cách trình bày quy định tại Điều 70 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2024).

Trên đây là ý kiến tham gia đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự. Bộ Công an trao đổi để Bộ Quốc phòng tập hợp./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, V03(P4).



Trưởng Lê Quốc Hùng

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **8768**/BTC-VI

Hà Nội, ngày **20** tháng **8** năm 2024

V/v tham gia ý kiến Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự

Kính gửi: Bộ Quốc phòng.

Bộ Tài chính nhận được Công văn số 3221/BQP-BCY ngày 10/8/2024 của Bộ Quốc phòng về tham gia ý kiến Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự. Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Bộ Tài chính thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo kèm Công văn số 3221/BQP-BCY ngày 10/8/2024

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Quốc phòng tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục THTK, TCHQ;
- Lưu: VT, VI (07b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

MMMS

K

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 29/08/2024 16:

Số: 65 7 7 /BCT-TMĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ
dự thảo Nghị định quy định
chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật An toàn thông tin
mạng về mật mã dân sự

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

Số: 2120
ĐẾN Ngày: 04/9/2024
Chuyên:

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BẢN ĐIỀN TỬ ĐẾN	Số: 8139 Đ Ngày: 29/8/2024 Chuyên:

Trả lời công văn số 3221/BQP-BCY ngày 10 tháng 8 năm 2024 của Bộ Quốc phòng về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

I. Về dự thảo Tờ trình

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo áp dụng mẫu Tờ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

II. Về dự thảo Nghị định

1. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát lại khoản 3 Điều 5 để phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 31 Luật An toàn thông tin mạng.

2. Danh mục sản phẩm mật mã dân sự theo giấy phép

Đề nghị đơn vị soạn thảo phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, chuẩn hóa, đảm bảo phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

3. Trình tự, thủ tục cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Nội dung về trình tự, thủ tục cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự hiện đã được quy định tại Điều 32, Điều 33 và Điều 34 Luật An toàn thông tin mạng.

Khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về văn bản quy định chi tiết như sau: *"Văn bản quy phạm pháp luật phải được quy định cụ thể để khi có hiệu lực thì thi hành được ngay. Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết. Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết."*

Ngoài ra, khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau: *"Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn."*

Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát Điều 6 và Điều 7 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định trên của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Về xử phạt hành vi vi phạm các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, sử dụng sản phẩm mật mã dân sự (Điều 12 dự thảo Nghị định)

- Về khung phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về khung tiền phạt đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính *"Quy định khung tiền phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính phải cụ thể, khoảng cách giữa mức phạt tối thiểu và tối đa của khung tiền phạt không quá lớn"*.

- Một số hành vi vi phạm có cùng tính chất mức độ nhưng quy định khung phạt tiền khác nhau hoặc một số hành vi tính chất mức độ nhẹ hơn được quy định khung phạt tiền cao hơn hoặc các hành vi không cùng tính chất mức độ được quy định cùng một khung tiền phạt, cụ thể như: Xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự mà không có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (~~điểm d khoản 3 Điều 12, khung phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng~~) cùng tính chất, mức độ với hành vi kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự mà không có Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (điểm a khoản 5 Điều 12, khung phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng);

hành vi không duy trì một trong các điều kiện để được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (điểm a khoản 4 Điều 12, phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng) có mức độ nhẹ hơn so với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự mà không có Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự. Hành vi không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép (điểm a khoản 3 Điều 12), không làm thủ tục cấp lại Giấy phép trong trường hợp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự bị mất hoặc bị hư hỏng (điểm b khoản 3 Điều 12) không cùng tính chất mức độ đối với hành vi còn lại trong cùng khoản.... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các hành vi vi phạm để đảm bảo quy định hình thức, mức xử phạt phù hợp với tính chất, mức độ xâm hại trật tự quản lý hành chính nhà nước của hành vi vi phạm.

- Một số hành vi vi phạm có thể có sự trùng lặp như: *Không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự khi thay đổi tên, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi, bổ sung sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự* (điểm a khoản 3 Điều 12) và *Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự không đúng với nội dung ghi trên Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự* (điểm d khoản 3 Điều 12)

- Đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự và tổng hợp thông tin khách hàng (khoản 1 Điều 12, hình thức xử phạt: cảnh cáo) và hành vi không báo cáo về tình hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (điểm c khoản 2 Điều 12, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng): có thể phát sinh trường hợp tại thời điểm kiểm tra chưa có báo cáo, tuy nhiên từ thời điểm kiểm tra đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt có khoảng thời gian nhất định, trong khoảng thời gian đó đối tượng vi phạm lại gửi báo cáo thì được xác định là “không báo cáo” hay “báo cáo không đúng thời hạn” để quyết định áp dụng hình thức xử phạt. Do đó, đề nghị cân nhắc quy định chung hình thức xử phạt đối với 02 hành vi này để tăng hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Khoản 6 Điều 12 quy định hình thức xử phạt bổ sung “*Thu hồi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*” tại điểm đ và “*Thu hồi Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự*” tại điểm e là không phù hợp với các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định “*thu hồi Giấy phép*” là hình thức xử phạt bổ sung mà đưa nội dung quy định về các trường hợp xem xét thu hồi giấy phép thành Điều riêng tại Chương II dự thảo Nghị định.

- Khoản 6 Điều 12 quy định hình thức xử phạt bổ sung “*Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*” tại điểm a, “*Tước quyền sử dụng Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự*” tại điểm b và “*Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*” tại điểm c: đề nghị quy định rõ khung thời gian tước/đình chỉ hoạt động (từ ... tháng đến tháng) thay vì quy định “không quá 06 tháng” nhằm tránh tùy tiện trong quyết định thời hạn tước/đình chỉ cụ thể đối với hành vi vi phạm hành chính và đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Khoản 7 Điều 12: đề nghị quy định cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính tại điểm, khoản nào.

5. Thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 13 dự thảo Nghị định)

- Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính như sau: “*Trường hợp nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính có quy định nhiều chức danh của các lực lượng có thẩm quyền xử phạt thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau tham gia xử phạt, thì phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các lực lượng đó đối với từng điều khoản cụ thể.*”. Vì vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung quy định phân định thẩm quyền đối với từng hành vi vi phạm hành chính quy định tại dự thảo Nghị định đối với từng chức danh có thẩm quyền xử phạt, đảm bảo tuân thủ quy định trên.

- Đề nghị rà soát quy định về thẩm quyền tịch thu của các chức danh đảm bảo phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể: Thanh tra viên viên cơ yếu đang thi hành công vụ có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng (áp dụng chung cho cả cá nhân và tổ chức); Chánh Thanh tra cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng (áp dụng chung cho cả cá nhân và tổ chức),... Thẩm quyền tịch thu không phân biệt cá nhân và tổ chức, Luật Xử lý vi phạm hành chính chỉ quy định thẩm quyền phạt tiền có sự tách biệt giữa tổ chức và cá nhân. Với cách quy định như dự thảo Nghị định thì Chánh Thanh tra cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng là không phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Đề nghị rà soát quy định rõ thẩm quyền “áp dụng các biện pháp khắc phục

hậu quả quy định tại Nghị định này” của các chức danh tại Điều 13.

- Khoản 6 Điều 13 đề nghị chỉnh lý như sau: “6. Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42 và Điều 45 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020)”.

6. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 14)

Đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh lý như sau:

“Điều 14. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 13 Nghị định này, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công chức, viên chức thuộc cơ quan quy định tại Điều 13 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.”

Trên đây là trả lời của Bộ Công Thương đối với công văn số 3221/BQP-BCY, xin gửi quý Bộ tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, PC, TCQLTT, XNK, TMĐT(TuanNH).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Sinh Nhật Tân

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7108/BKHDT-CNTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị
định quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng
về mật mã dân sự

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Phúc đáp Văn bản số 3221/BQP-BCY ngày 10/8/2024 của Bộ Quốc phòng về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình:

Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn thiện Tờ trình theo đúng quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 để có cơ sở xem xét, có ý kiến. Trong đó, lưu ý thuyết minh những nội dung chính, quan trọng được kế thừa; nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; nội dung phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính (nếu có) trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ các nội dung cơ bản của dự thảo văn bản ngay trong Tờ trình hoặc tại phụ lục kèm theo Tờ trình.

2. Về nội dung dự thảo Nghị định:

- Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về “biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự”, trong đó quy định nhiều nội dung liên quan đến thủ tục hành chính và xử lý vi phạm hành chính (nội dung này Luật không giao hướng dẫn và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu); nội dung này thuộc trường hợp xây dựng Nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đề nghị rà soát quy trình xây dựng dự thảo Nghị định để bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Điều 5 dự thảo là hướng dẫn điểm a, đ khoản 2 Điều 31 Luật An toàn thông tin mạng. Do đó, đề nghị biên tập theo hướng “điểm a, đ khoản 2 Điều 31 Luật An toàn thông tin mạng được quy định chi tiết như sau.....” để tránh hiểu rằng Điều 5 này bổ sung thêm các điều kiện so với Luật và đúng với quy định tại khoản 5 Điều 31 giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Các nội dung về “Trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; Sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, tạm đình chỉ và thu hồi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; Hồ sơ,

trình tự cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự;...” đã được quy định tại Điều 32, 33, 34 Luật An toàn thông tin mạng. Do đó, rà soát hiệu chỉnh Điều 6, 7 dự thảo Nghị định để bảo đảm không quy định lại nội dung đã quy định tại Luật, bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹.

- Tại khoản 2 Điều 41 Luật An toàn thông tin mạng quy định Sản phẩm an toàn thông tin mạng gồm: “a) sản phẩm mật mã dân sự” và “đ) sản phẩm an toàn thông tin mạng khác”. Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng (không điều chỉnh hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự...). Xem xét bổ sung đánh giá để phân biệt giữa sản phẩm mật mã dân sự và sản phẩm an toàn thông tin mạng khác để thuận tiện trong quá trình triển khai, áp dụng.

- Về phương án kinh doanh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Dự thảo, tham khảo xây dựng mẫu tương tự như mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

- Về địa chỉ cổng dịch vụ công (<https://dichvucong.nacis.gov.vn>) quy định tại khoản 5 Điều 6 Trình tự, thủ tục cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự: xem xét không quy định cụ thể địa chỉ, do thực tế người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính thông qua đăng nhập bằng tài khoản Cổng dịch vụ công Quốc gia để đăng nhập các Cổng Dịch vụ công của Bộ, ngành, địa phương, xem xét thực hiện việc tích hợp, kết nối với Cổng dịch vụ Công quốc gia để thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Điều 9 và Điều 10 dự thảo quy định về “điều kiện, trình tự, thủ tục hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và thừa nhận kết quả đánh giá...”. Đề nghị rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý của nội dung quy định này (Luật An toàn thông tin mạng không giao hướng dẫn).

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi quý Bộ đề tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, CNTT 0.02

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

¹ Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, **không quy định lại** các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.

Số: 3465 /BTTTT-CATTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật An toàn thông tin mạng về
mật mã dân sự

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Phúc đáp văn bản số 3221/BQP-BCY ngày 10/8/2024 của Bộ Quốc phòng về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị định do Quý Bộ chủ trì thực hiện, Bộ Thông tin và Truyền thông có các nội dung góp ý như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung đánh giá kết quả triển khai Nghị định 53/2018/NĐ-CP, Nghị định 58/2016/NĐ-CP vào dự thảo Tờ trình. Qua đó thống kê, đánh giá được các loại hình sản phẩm mật mã dân sự phổ biến, sự trùng lặp (nếu có) với các sản phẩm khác và các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi để làm cơ sở đề xuất, hoàn thiện, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định.

2. Về dự thảo Nghị định:

Luật An toàn thông tin mạng quy định sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng gồm: 09 loại hình dịch vụ và 04 loại hình sản phẩm trong đó có sản phẩm mật mã dân sự và dịch vụ mật mã dân sự. Các loại hình sản phẩm, dịch vụ là tách biệt nhau. Sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự là một trong số loại hình cụ thể của sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng. Nghị định 108/2016/NĐ-CP đã định nghĩa các sản phẩm, dịch vụ thuộc chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng chỉ quy định quản lý các sản phẩm, dịch vụ có chức năng cơ bản/chính về kỹ thuật an toàn thông tin mạng. Do đó, để đồng bộ khái niệm, đồng bộ biện pháp quản lý, đồng bộ đối tượng áp dụng, tránh chồng chéo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung khái niệm sản phẩm mật mã dân sự và khái niệm dịch vụ mật mã dân sự theo hướng quy định về tính năng kỹ thuật chính và loại trừ các sản phẩm an toàn thông tin mạng đã được quy định tại Nghị định 108/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo đưa nội dung giải thích về sản phẩm mật mã dân sự tại Phụ lục I của dự thảo Nghị định¹ vào quy định một Điều về giải thích từ ngữ tại Chương I của dự thảo; Bổ sung giải thích về dịch vụ mật mã dân sự theo hướng quy định về hoạt động cung cấp dịch vụ chính liên quan đến mật mã dân sự.

- Tại Điều 4 dự thảo Nghị định, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung “*Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép không bao gồm các sản phẩm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và Danh mục chi tiết các sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định*”.

- Tại mục 2 Phụ lục I dự thảo Nghị định, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung “*Các sản phẩm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Nghị định số 108/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và Danh mục chi tiết các sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định*”.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Lưu: VT, CATT.TNTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long

¹ Sản phẩm mật mã dân sự được mô tả là các hệ thống, thiết bị, các mô-đun và mạch tích hợp, các phần mềm được thiết kế chuyên dụng để bảo vệ thông tin bằng kỹ thuật mật mã sử dụng “thuật toán mật mã đối xứng” hoặc “thuật toán mật mã không đối xứng”

MMDS-
h

✓ 1-4p / 15/8,
h. Kiên

138641

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG TTĐT CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 818 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số: 2055
Ngày: 23/8/2024
Chuyển:

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG

VĂN
BẢN
GIẤY
ĐẾN Số: 3584
Ngày: 15/8/2024
Chuyển:

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: Vụ NC, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT. H

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sâm

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật An toàn thông tin mạng về mặt mã

dân sự

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Phục đáp công văn số 3221/BQP-BCV ngày 10/8/2024 của Bộ Quốc
phòng về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mặt mã dân sự.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có
kiến như sau: Theo Điều 6, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì M
trần Tổ quốc Việt Nam có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến đề nghị xã
dùng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Tu
nhiệm đối với lĩnh vực trên (lĩnh vực an ninh mạng) không thuộc phạm vi chuyê
môn sâu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, do đó Ban Thường
trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không có ý kiến tham gia
vào dự thảo Quyết định nêu trên. Đề nghị cơ quan thực hiện theo quy trình.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thôn
tin đề Quý cơ quan tiếp tục hoàn thiện dự thảo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Chủ tịch UBND MTTQ VN (đ/c);

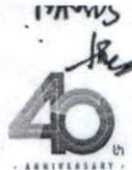
- Ban Thường trực UBND MTTQ VN (đ/c);

- Lưu: VT, Phòng CNTT-HC.



TL. BAN THƯỜNG TRỰC
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Bình Minh



US-ASEAN
BUSINESS COUNCIL, INC.

**Amb. Brian D.
McFeeters (ret.)**
Senior Vice President and
Regional Managing Director

US-ASEAN Business Council, Inc.
460 Alexandra Road, #26-06
mTower, Singapore 119963
Tel (65) 6339-8885
Fax (65) 6254-0855
bmcfeeters@usasean.org

USABC-HN-20240911-01

Ngày 09 tháng 9 năm 2024

(Bản dịch)

Kính gửi: TS. Hồ Văn Hương
Cục trưởng
Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã
Ban Cơ yếu Chính phủ
Bộ Quốc phòng
23 Nguyễn Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

V/v: Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ- ASEAN đóng góp ý kiến cho dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự

Kính thưa Cục trưởng Hồ Văn Hương,

Thay mặt Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ-ASEAN ("USABC") và các thành viên, tôi xin gửi tới Ông lời chào trân trọng nhất. Cộng đồng doanh nghiệp Hoa Kỳ cảm ơn Ông và Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã ("NACIS") đã tạo điều kiện để chúng tôi được đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự ("Dự thảo Nghị định"). Hội đồng đánh giá cao những nỗ lực của NACIS trong việc cập nhật và sửa đổi Nghị định 58 nhằm đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp và hỗ trợ cơ quan hải quan trong việc giám sát và thông quan các sản phẩm và dịch vụ mật mã dân sự (MMDS).

Để đóng góp vào công tác xây dựng Dự thảo Nghị định, chúng tôi xin phép gửi tới Ông và quý Cục các góp ý dưới đây của các doanh nghiệp Hoa Kỳ nhằm cải thiện sự rõ ràng của các quy định:

1. Phù hợp với các thông lệ quốc tế:

Để phù hợp với các thông lệ quốc tế đang được áp dụng ở Hoa Kỳ, châu Âu, Hàn Quốc và Nhật Bản, chúng tôi khuyến nghị: Bỏ yêu cầu "Giấy phép nhập khẩu" đối với các sản phẩm MMDS để đơn giản hóa quy trình và hỗ trợ các tiêu chuẩn thương mại. Ngoài ra, việc áp dụng Hệ thống Mã số phân loại kiểm soát xuất khẩu (ECCN) sẽ giúp phân biệt các sản phẩm MMDS và các sản phẩm được sử dụng rộng rãi một cách rõ ràng hơn, và hỗ trợ hệ thống mã HS sử dụng trong hoạt động hải quan. Chúng tôi cũng khuyến khích NACIS đảm bảo các quy trình đăng ký nhất quán đối với các sản phẩm có chức năng mật mã tương tự nhau và loại trừ các sản phẩm CNTT được sử dụng rộng rãi khỏi danh mục các sản phẩm cần được cấp phép. Cụ thể, việc loại trừ này cần được áp dụng cho cả Giấy phép kinh doanh và Giấy phép xuất nhập khẩu các sản phẩm mật mã dân sự, phù hợp với các thông lệ quốc tế đối với các sản phẩm được sử dụng rộng rãi.

2. Yêu cầu cấp phép dựa trên chức năng mã hóa:

Để phù hợp với các khuôn khổ quốc tế như Thỏa thuận Wassenaar, chúng tôi khuyến nghị chỉ yêu cầu giấy phép xuất nhập khẩu đối với những sản phẩm có chức năng chính là mã hóa. Chúng tôi

khuyến nghị loại trừ những sản phẩm có chức năng mật mã là tính năng phụ hoặc tùy chọn và không ảnh hưởng đến hoạt động chính của sản phẩm khi bị vô hiệu hóa. Sự phân biệt này sẽ giúp giảm gánh nặng tuân thủ và đơn giản hóa thương mại trong khi vẫn duy trì các biện pháp quản lý cần thiết.

3. Mở rộng danh sách miễn trừ đối với các sản phẩm có rủi ro thấp

Chúng tôi khuyến nghị quy định thêm các trường hợp miễn giấy phép trong dự thảo Nghị định đối với các tình huống kinh doanh có rủi ro thấp, ví dụ các sản phẩm không nằm trong danh sách của Phụ lục I Nghị định 58/2016/NĐ-CP hoặc các sản phẩm có mã HTS không nằm trong danh sách của Phụ lục II Nghị định 53/2018/NĐ-CP. Việc này bao gồm các sản phẩm MMDS xuất/nhập khẩu chỉ để sử dụng cho mục đích cá nhân, chuyển giao nội bộ giữa các công ty nhỏ trong cùng một doanh nghiệp đa quốc gia, hoặc sử dụng tạm thời/hoàn trả sửa chữa. Ngoài ra, chúng tôi cũng khuyến nghị cải thiện thủ tục thông quan, đặc biệt bằng kê trừ lùi, nhằm đơn giản hóa quy trình và tránh tình trạng chậm trễ trong thương mại quốc tế

4. Áp dụng cơ chế Xác định trước (Advance Ruling Mechanism):

Việc áp dụng cơ chế Xác định trước sẽ cho phép các doanh nghiệp xác nhận sản phẩm có thuộc phạm vi sản phẩm MMDS không và xác minh các yêu cầu cấp phép trước khi giao hàng, giúp giảm bớt sự thiếu chắc chắn, chậm trễ và cải thiện hiệu quả quản lý.

Chúng tôi xin gửi kèm theo đây các khuyến nghị chi tiết cho Dự thảo Luật này trong phần Phụ lục

Khi Việt Nam đang nỗ lực phát triển thành một trung tâm sản xuất, việc điều chỉnh các quy định quản lý theo các thông lệ quốc tế tốt nhất và hạn chế các biến thể địa phương là rất quan trọng, đặc biệt đối với các loại hàng hóa chiến lược. Việc điều chỉnh phù hợp sẽ khuyến khích các nước phát triển hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho các công ty tại Việt Nam.

Cảm ơn Ông đã luôn dành thời gian quan tâm và lắng nghe các góp ý, phản hồi của cộng đồng doanh nghiệp Hoa Kỳ và chúng tôi hy vọng rằng Ông sẽ tiếp tục coi chúng tôi là một đối tác và nguồn lực tin cậy. Chúng tôi mong muốn tiếp tục có cơ hội trao đổi và sẵn sàng cung cấp thêm thông tin để làm rõ hơn các góp ý của mình.

Nếu Ông có bất kỳ câu hỏi nào, xin hãy liên hệ với tôi theo thông tin trên. Văn phòng của Ông cũng có thể liên hệ với bà Bùi Thị Việt Lâm – Đại diện tại Việt Nam của Hội đồng (email: vlbui@usasean.org hoặc điện thoại: +84 94-937-6686).

Trân trọng,
(Đã ký)

Nguyên Đại sứ Brian McFeeters

Đồng kính gửi: Ngài Nguyễn Quốc Dũng, Đại sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ
Ngài Marc E. Knapper, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam

PHU LUC

Tổng hợp Góp ý cho Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự

1. Giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Vấn đề:

- Các quốc gia, như Hoa Kỳ, châu Âu, Hàn Quốc và Nhật Bản, áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu đối với các sản phẩm mật mã thay vì hạn chế cả xuất khẩu và nhập khẩu. Các biện pháp này được sử dụng với mục đích ngăn chặn việc công nghệ nhạy cảm được phổ biến tới các tổ chức không được phép và tập trung chủ yếu vào việc xuất khẩu.
- Dự thảo Nghị định hiện tại yêu cầu cấp phép đối với hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu sản phẩm mật mã, chưa phù hợp với các thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này. Yêu cầu kép này tạo thêm nhiều gánh nặng pháp lý cho các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia.

Khuyến nghị:

- Bỏ yêu cầu “Giấy phép nhập khẩu” đối với các sản phẩm mật mã dân sự để phù hợp với thông lệ quốc tế. Điều này sẽ tạo ra một sân chơi bình đẳng, hỗ trợ việc vận chuyển các sản phẩm mật mã dân sự giữa các quốc gia thông suốt hơn. Sự điều chỉnh này còn nâng cao tính nhất quán trong các quy định kiểm soát thương mại được triển khai ở các quốc gia có quy mô thương mại lớn cũng như giúp hài hòa với cách tiếp cận của nhiều quốc gia thành viên ASEAN như Singapore, Malaysia và Philippines.

2. Chỉ áp dụng hạn chế xuất khẩu đối với các sản phẩm dịch vụ mật mã nhạy cảm

Vấn đề:

- Trên thế giới, việc áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu đối với các sản phẩm dịch vụ mật mã hóa được thực hiện dựa trên cơ sở cân bằng giữa yêu cầu đảm bảo an ninh quốc gia và việc tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế. Trên cơ sở đó, các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm soát xuất khẩu phân loại các sản phẩm mật mã thành 2 nhóm: các sản phẩm nhạy cảm và các sản phẩm ít nhạy cảm hơn, kèm theo mức độ kiểm soát khác nhau cho mỗi nhóm. Các tiêu chí để phân loại các nhóm sản phẩm mật mã dựa trên các yếu tố như: độ mạnh của việc mật mã hóa, mục đích sử dụng, chức năng mã hóa và mức độ sẵn có trên thị trường, v.v. Tuy nhiên, Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Việt Nam hiện hành (“Danh mục Sản phẩm MMDS”) không có sự phân loại như vậy và không nêu rõ tiêu chí phân loại cụ thể.

Khuyến nghị:

- Hài hòa Danh mục Sản phẩm MMDS với các tiêu chuẩn quốc tế và phân loại thành các nhóm sản phẩm mật mã nhạy cảm và ít nhạy cảm dựa trên các tiêu chí và thông số kỹ thuật được xác định rõ ràng.
- Khi Trung Quốc cải tổ các biện pháp kiểm soát mật mã dân sự vào năm 2023, họ cũng chuyển sang sử dụng các thông số kỹ thuật để xác định các sản phẩm thuộc phạm vi kiểm soát. Ví dụ, họ quy định rằng việc kiểm soát này không áp dụng đối với tất cả các loại điện thoại, mà chỉ áp dụng trong phạm vi “điện thoại mã hóa” và định nghĩa những sản phẩm này như sau: “Điện thoại sử dụng các kỹ thuật mật mã để triển khai các chức năng như mã hóa dữ liệu khi truyền và chứa thuật toán mật mã đối xứng có độ dài khóa trên 64 bit, thuật toán mật mã đối xứng